Chi tiết mã HS 5301.10.00

Mã HS	5301.10.00
Mô tả hàng hóa	Lanh, dạng nguyên liệu thô hoặc đã chế biến nhưng chưa kéo thành sợi; tô (tow) lanh và phế liệu lanh (kể cả phế liệu sợi và sợi tái chế) / - Lanh, dạng nguyên liệu thô hoặc đã ngâm
Đơn vị	kg
Thời điểm tạo	02/11/2026 13:56:35
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/53011000/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K8249
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N8249
Thuế GTGT (VAT)	*/5/8/10	* / 5 / 8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q8249
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VN-EAEU	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E7855
ATIGA	2022	2022	0	AT!E7808
ATIGA	2023	2023	0	AT!F7808
ATIGA	2024	2024	0	AT!G7808
ATIGA	2025	2025	0	AT!H7808
ATIGA	2026	2026	0	AT!I7808
ATIGA	2027	2027	0	AT!J7808
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E7858
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F7858
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G7858

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H7858
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I7858
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J7858
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E7859
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F7859
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G7859
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H7859
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I7859
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J7859
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F7860
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H7814
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F7822
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G7822
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H7822
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I7822
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J7822
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K7822
VKFTA	2022	2022	0	VK!E7844
VKFTA	2023	2023	0	VK!F7844
VKFTA	2024	2024	0	VK!G7844
VKFTA	2025	2025	0	VK!H7844
VKFTA	2026	2026	0	VK!I7844
VKFTA	2027	2027	0	VK!J7844
VCFTA	2022	2022	0	VC!D7890
VCFTA	2023	2023	0	VC!E7890
VCFTA	2024	2024	0	VC!F7890

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2025	2025	0	VC!G7890
VCFTA	2026	2026	0	VC!H7890
VCFTA	2027	2027	0	VC!I7890
VN-EAEU	2022	2022	*	EAV!D7870
VN-EAEU	2023	2023	*	EAV!E7870
VN-EAEU	2024	2024	*	EAV!F7870
VN-EAEU	2025	2025	*	EAV!G7870
VN-EAEU	2026	2026	*	EAV!H7870
VN-EAEU	2027	2027	*	EAV!I7870
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D7883
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E7883
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F7883
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G7883
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H7883
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I7883
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D7887
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E7887
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F7887
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G7887
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H7887
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I7887
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D7888
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E7888
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F7888
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G7888
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H7888

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I7888
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D7838
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E7838
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F7838
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G7838
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H7838
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I7838
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J7838
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D7875
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E7875
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F7875
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G7875
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H7875
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I7875
RCEP B	2022	2022	0	B!D7875
RCEP B	2023	2023	0	B!E7875
RCEP B	2024	2024	0	B!F7875
RCEP B	2025	2025	0	B!G7875
RCEP B	2026	2026	0	B!H7875
RCEP B	2027	2027	0	B!I7875
RCEP C	2022	2022	0	C!D7875
RCEP C	2023	2023	0	C!E7875
RCEP C	2024	2024	0	C!F7875
RCEP C	2025	2025	0	C!G7875
RCEP C	2026	2026	0	C!H7875
RCEP C	2027	2027	0	C!I7875

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2022	2022	0	D!D7875
RCEP D	2023	2023	0	D!E7875
RCEP D	2024	2024	0	D!F7875
RCEP D	2025	2025	0	D!G7875
RCEP D	2026	2026	0	D!H7875
RCEP D	2027	2027	0	D!I7875
RCEP E	2022	2022	0	E!D7878
RCEP E	2023	2023	0	E!E7878
RCEP E	2024	2024	0	E!F7878
RCEP E	2025	2025	0	E!G7878
RCEP E	2026	2026	0	E!H7878
RCEP E	2027	2027	0	E!I7878
RCEP F	2022	2022	0	F!D7875
RCEP F	2023	2023	0	F!E7875
RCEP F	2024	2024	0	F!F7875
RCEP F	2025	2025	0	F!G7875
RCEP F	2026	2026	0	F!H7875
RCEP F	2027	2027	0	F!I7875
VIFTA	2024	2024	0	VI!F7275
VIFTA	2025	2025	0	VI!G7275
VIFTA	2026	2026	0	VI!H7275
VIFTA	2027	2027	0	VI!I7275

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

DOC-003	YELLOW	Kiểm dịch	Chính sách mặt hàng: Kiểm dịch thực vật (01/2024/TT-BNNPTNT M9)		01/2024/TT-BNNPTNT	Đăng ký kiểm dịch động/thực vật theo quy định.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
DOC-004	YELLOW	Chính sách mặt hàng khác	DM HH mua bán, trao đổi qua cửa khẩu phụ, lối mở biên giới của thương nhân (42/2019/TT-BCT, 33/2025/TT-BCT)		42/2019/TT-BCT, 33/2025/TT-BCT	Đọc văn bản được dẫn chiếu.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “*/5/8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 5301.10.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 5301.10.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N8249), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
DM HH mua bán, trao đổi qua cửa khẩu phụ, lối mở biên giới của thương nhân (42/2019/TT-BCT, 33/2025/TT-BCT)
Kiểm dịch thực vật (01/2024/TT-BNNPTNT M9)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.